

TUẦN 24

Tiết 47+48- Bài 45+46: Tìm hiểu môi trường và ảnh hưởng của một số nhân tố sinh thái lên đời sống sinh vật

I. Bài tập thực hành

Câu 1: Hoàn thành bảng 45.1 Các loại sinh vật quan sát có trong địa điểm thực hành

Trả lời:

Tên sinh vật	Nơi sống
Thực vật	Trên cạn, dưới nước
Động vật	Trên cạn, dưới nước
Nấm	Trên mặt đất
Địa y	Trên mặt đất

Câu 2: Hoàn thành bảng 45.2 Các đặc điểm hình thái của lá cây

Trả lời:

STT	Tên cây	Nơi sống	Đặc điểm của phiến lá	Các đặc điểm này chứng tỏ lá cây quan sát là:	Những nhận xét khác (LƯU Ý THÊM)
1	Cây bàng	Trên cạn	Lá lớn, phiến lá rộng, màu nhạt	Cây ưa sáng	
2	Cây bằng lăng	Trên cạn	Lá lớn, phiến lá rộng, xếp ngang	Cây ưa sáng	
3	Cây rong đuôi chó	Dưới nước	Lá nhỏ, mỏng, màu lá nhạt	Chìm trong nước	Thân mềm mại, có thể xuôi

					theo chiều nước chảy
4	Rêu tường	Nơi ẩm ướt	Lá nhỏ, màu nhạt	Lá cây ưa ẩm	
5	Khoai nước	Ven bờ nước	Lá lớn, phiến lá rộng, màu lá nhạt	Lá cây ưa bóng	
6	Cây bèo tây	Trên mặt nước	Lá dày, màu xanh đậm, phiến lá rộng	Lá cây nổi trên mặt nước	Cuống lá xốp, như cái phao giúp cây nổi trên mặt nước
7	Cây lá lốt	Trên cạn	Phiến lá rộng, màu đậm	Lá cây ưa bóng	
8	Cây sen	Ở nước	Phiến lá rộng, hình quạt, màu lá đậm	Lá cây nổi trên mặt nước	Có lớp sáp ở mặt trên của lá
9	Cây hướng duong	Trên cạn	Phiến lá rộng, màu lá nhạt	Lá cây ưa sáng	
10	Cây trúc đào	Trên cạn	Phiến lá hẹp, lá xếp xiên	Lá cây ưa sáng	Lá dày, có lớp cutin bao bọc

=====

Câu 3: Vẽ một số dạng phiến lá quan sát được?
Trả lời: HS TÙY CHỌN QUAN SÁT 1 PHIẾN LÁ VÀ VẼ LẠI
(Có thể dựa theo nội dung hình 45 SGK trang 137)

Câu 4: Hoàn thành bảng 45.3 Môi trường sống của các động vật quan sát được
Trả lời:

STT	Tên động vật	Môi trường sống	Mô tả đặc điểm của động vật thích nghi với môi trường sống
1	Cá chép	Trong nước	Thân hình thoi, dẹp hai bên, vây bơi phát triển, thân cá có chất nhớt giúp giảm ma sát với dòng nước
2	Giun đất	Trong đất	Cơ thể thuôn dài, không có thị giác, da mềm, ẩm.
3	Cánh cam	Trên cạn	Cơ thể có lớp vỏ kitin bao bọc
4	Chó	Trên cạn	Có lông mao, giác quan phát triển
5	Ếch	Nơi ẩm ướt (bờ ao, bờ ruộng)	Da trần, mềm, ẩm, cơ thể là một khối hình tam giác, có lớp da mỏng giữa các ngón.

II. Thu hoạch

1. Tên bài:

2. Họ và tên:

3. Nội dung thực hành: trả lời các câu hỏi sau:

a. Có mấy loại môi trường sống của sinh vật? Đó là những môi trường nào?

Trả lời: Có rất nhiều loại môi trường sống, nhưng có 2 loại môi trường chính là môi trường cạn và môi trường nước.

b. Hãy kể tên những nhân tố sinh thái ảnh hưởng đến đời sống sinh vật

Trả lời: Nhân tố sinh thái ảnh hưởng tới đời sống sinh vật: nhân tố vô sinh (gió, nước, độ ẩm, nhiệt độ, đất,...), nhân tố hữu sinh (các loài động vật, thực vật, nấm, con người,...)

c. Lá cây ưa sáng mà em đã quan sát có những đặc điểm hình thái như thế nào?

Trả lời: Lá cây ưa sáng thường dày, nhỏ, xếp xiên, màu lá nhạt và cây thường mọc nơi quang đãng

d. Lá cây ưa bóng mà em đã quan sát có những đặc điểm hình thái như thế nào?

Trả lời: Lá cây ưa bóng thường có kích thước lớn, màu lá sẫm, xếp ngang, cây mọc ở nơi có ánh sáng yếu.

e. Các loài động vật mà em quan sát được thuộc nhóm động vật sống trong nước, ưa ẩm hay ưa khô?

Trả lời: Các loài cá sống trong nước, giun đất và ếch thuộc nhóm ưa ẩm, cánh cam thuộc nhóm ưa khô.

f. Nhận xét chung của em về môi trường đã quan sát.

Trả lời: Môi trường quan sát rất phong phú về các loài sinh vật.

=====

Chương II: QUẦN THỂ SINH VẬT

Tiết 49- Bài 47: Quần thể sinh vật

Câu 1: Hãy đánh dấu x vào ô trống trong bảng 47.1 cho những VD về quần thể và tập hợp các cá thể không phải là quần thể sinh vật.

Trả lời:

Ví dụ	Quần thể sinh vật	Không phải là quần thể sinh vật
Tập hợp các cá thể rắn hổ mang, cú mèo và lợn rừng sống trong một rừng mưa nhiệt đới.		X
Rừng cây thông nhựa phân bố tại vùng núi Đông Bắc Việt Nam.	X	
Tập hợp các cá thể cá chép, cá mè, cá rô phi sống chung trong một ao.		X
Các cá thể rắn hổ mang sống trong 3 hòn đảo cách xa nhau.		X
Các cá thể chuột đồng sống trên một cánh đồng lúa. Các cá thể chuột đực và cái có khả năng giao phối với nhau sinh ra chuột con. Số lượng chuột tùy thuộc nhiều vào số lượng thức ăn trên cánh đồng.	X	
...*		

Câu 2: Hãy trả lời các câu hỏi sau:

- a) Khi thời tiết ẩm áp và độ ẩm không khí cao (từ tháng 3 tới tháng 6) số lượng muỗi nhiều hay ít?
- b) Số lượng ếch, nhái tăng cao vào mùa mưa hay mùa khô?
- c) Chim cu gáy xuất hiện nhiều vào thời gian nào trong năm?
- d) Hãy cho 2 ví dụ về sự biến động số lượng cá thể trong quần thể.

Trả lời:

a) Khi thời tiết ẩm áp, độ ẩm không khí cao, số lượng muỗi nhiều.

b) Số lượng ếch nhái tăng cao vào mùa mưa.

c) Chim cu gáy thường xuất hiện vào các thời điểm thu hoạch lúa, ngô trong năm

d)

VD1: Trên một ruộng rau, số lượng sâu ăn rau bị ảnh hưởng bởi số lượng chim sẻ. Khi lượng chim sẻ tăng cao, số lượng sâu ăn rau giảm nhanh chóng. Khi số lượng sâu ăn rau giảm mạnh sẽ thấy số lượng chim sẻ trên ruộng cũng ít hơn.

VD2: Trong một ao tự nhiên, vào mùa mưa, ếch tiến hành sinh sản nên số lượng cá thể ếch tăng nhanh chóng. Sau đó số lượng này sẽ giảm dần, các cá thể hoặc di chuyển tới nơi sống mới hoặc bị chết do môi trường sống của ao không đáp ứng đủ nhu cầu của lượng lớn cá thể ếch.

Câu 3: Điền từ/ cụm từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau:

Trả lời: Quần thể sinh vật bao gồm các **cá thể cùng loài**, cùng sinh sống trong **một khu vực nhất định**, ở một thời điểm **nất định** và có khả năng **sinh sản** tạo thành những thế hệ mới.

Câu 4: Những dấu hiệu đặc trưng của quần thể là (chọn phương án trả lời đúng):

- A. Tỷ lệ giới tính, thành phần nhóm tuổi
- B. Thành phần nhóm tuổi, mật độ cá thể
- C. Mật độ cá thể, tỷ lệ giới tính
- D. Tỷ lệ giới tính, thành phần nhóm tuổi, mật độ cá thể.

Trả lời: Chọn đáp án D. Tỷ lệ giới tính, ...

Câu 5: Hãy giải thích cơ chế điều chỉnh mật độ cá thể trong quần thể trở về mức độ cân bằng khi mật độ cá thể tăng quá cao.

Trả lời:

Trả lời: Khi mật độ cá thể tăng quá cao, nguồn thức ăn khan hiếm, nơi ở và sinh sản chật chội, bệnh tật tăng lên, nhiều cá thể hoặc bị chết hoặc dời đàn đi tìm nơi sống mới, vì thế mật độ quần thể lại trở về trạng thái cân bằng.

Câu 6: Hãy lấy hai ví dụ chứng minh các cá thể trong quần thể hỗ trợ, cạnh tranh lẫn nhau.

=====

Trả lời:

Ví dụ:

+ **Các cá thể hỗ trợ nhau:** bò nông xếp thành hàng để cùng bắt cá, trâu rừng thường sống thành đàn để kiếm ăn và chống lại kẻ thù

+ **Các cá thể cạnh tranh lẫn nhau:** hiện tượng tự tỉa thưa ở thực vật, trâu rừng đực đánh nhau tranh giành con cái trong mùa sinh sản.

Câu 7: Từ bảng 47.3 SGK số lượng cá thể của 3 loài, hãy nhận xét tháp đó thuộc dạng tháp gì?

Trả lời:

Trả lời: Tháp tuổi của chuột đồng có dạng ổn định.; Tháp tuổi của chim trĩ có dạng phát triển.; Tháp tuổi của nai có dạng giảm sút.

Câu 8: Mật độ các cá thể trong quần thể được điều chỉnh quanh mức cân bằng như thế nào?

Trả lời:

Trả lời: Khi môi trường sống thuận lợi, số lượng các cá thể tăng cao, mật độ cá trong quần thể tăng lên. Khi môi trường sống không thuận lợi, các cá thể hoặc bị chết, hoặc tìm nơi cư trú mới, số lượng cá thể giảm, mật độ cá thể cũng giảm. Nhờ những điều này mà mật độ các cá thể trong quần thể luôn ở mức cân bằng.

=====

Tiết 50- Bài 48: Quần thể người

**Câu 1: Trong số những đặc trưng dưới đây (bảng 48.1), những đặc điểm nào có ở quần thể người, ở quần thể sinh vật khác?
Trả lời:**

Đặc trưng	Quần thể người (có/không)	Quần thể sinh vật khác (có/không)
Giới tính	Có	Có
Lứa tuổi	Có	Có
Mật độ	Có	Có
Sinh sản	Có	Có
Tử vong	Có	Có
Pháp luật	Có	Không
Kinh tế	Có	Không
Hôn nhân	Có	Không
Giáo dục	Có	Không
Văn hóa	Có	Không

Câu 2:
a) Hãy cho biết trong 3 dạng tháp tuổi ở hình 48 SGK, dạng tháp nào biểu hiện các đặc điểm ở bảng 48.2 sau đây (ghi dấu x vào ô trống phù hợp):
b) Thế nào là một nước có dạng tháp dân số trẻ và nước có dạng tháp dân số già?

Trả lời:

a) Bảng 48.2. Các đặc điểm biểu hiện ở 3 dạng tháp tuổi

Đặc điểm biểu hiện	Dạng tháp a	Dạng tháp b	Dạng tháp c
Nước có tỉ lệ trẻ em sinh ra hàng năm nhiều	X		
Nước có tỉ lệ tử vong ở người trẻ tuổi cao (tuổi thọ trung bình thấp)	X		
Nước có tỉ lệ tăng trưởng dân số cao		X	
Nước có tỉ lệ người già nhiều			X
Dạng tháp dân số trẻ		X	
Dạng tháp dân số già (dạng tháp ổn định)			X

b) Trả lời:

Nước có dạng tháp dân số trẻ: đáy tháp rộng (nhóm tuổi trước sinh sản cao) và thân tháp tương đối rộng (nhóm tuổi sinh sản và lao động có tỉ lệ cao, đỉnh tháp nhọn (nhóm tuổi già có tỉ lệ thấp).

Nước có dạng tháp dân số già: đáy tháp hẹp (nhóm tuổi trước sinh sản thấp), thân tháp phình to (trong tuổi lao động và sinh sản có tỉ lệ cao), đỉnh tháp rộng (người trên độ tuổi lao động có tỉ lệ cao).

Câu 3: Theo em, tăng dân số quá nhanh có thể dẫn đến những trường hợp nào trong các trường hợp sau? (đánh dấu x vào ô ở đầu các trường hợp được đồng ý)

X	a) Thiếu nơi ở
X	b) Thiếu lương thực
X	c) Thiếu trường học, bệnh viện
X	d) Ô nhiễm môi trường

=====

X	<i>e) Chặt phá rừng</i>
X	<i>f) Chậm phát triển</i>
X	<i>g) Tắc nghẽn giao thông</i>
	<i>h) Năng suất lao động tăng</i>

Câu 4: Điền từ/cụm từ phù hợp vào chỗ trống trong các câu sau:

Ngoài những đặc trưng chung của một quần thể sinh vật, quần thể người còn có các đặc trưng riêng mà các quần thể sinh vật khác không có. Đó là những đặc trưng về kinh tế - xã hội như ***pháp luật, hôn nhân, giáo dục, văn hóa***. Sự khác nhau đó là do con người có ***lao động*** và ***có tư duy***.

Những đặc trưng về tỉ lệ giới tính, thành phần nhóm tuổi, sự tăng giảm dân số có ảnh hưởng lớn tới chất lượng cuộc sống của con người và các ***chính sách kinh tế - xã hội*** của mỗi quốc gia.

Câu 5: Để có sự phát triển bền vững, mỗi quốc gia cần phải phát triển dân số như thế nào?

Trả lời: Để có sự phát triển bền vững, mỗi quốc gia cần phát triển dân số một cách hợp lý, tránh tăng dân số quá nhanh.

Câu 6: Việt Nam đang thực hiện pháp lệnh dân số nhằm mục đích gì?

- A. Đảm bảo chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân
- B. Đảm bảo chất lượng cuộc sống của mỗi gia đình
- C. Đảm bảo chất lượng cuộc sống của toàn xã hội
- D. Cả A, B và C.

Trả lời: Chọn đáp án D. Cả A, B và C.

Câu 7: Vì sao quần thể người lại có một số đặc trưng mà quần thể sinh vật khác không có?

Trả lời: Quần thể người có các đặc trưng mà quần thể khác không có vì con người có lao động và có tư duy.

=====

Câu 8: Tháp dân số trẻ và tháp dân số già khác nhau như thế nào?

Trả lời:

Tháp dân số trẻ có đáy rộng, đỉnh nhọn, thân tháp thoải.

Tháp dân số già có đáy hẹp, thân rộng, đỉnh rộng.

Câu 9: Ý nghĩa của việc phát triển dân số hợp lí của mỗi quốc gia là gì?

Trả lời: *Phát triển dân số hợp lí giúp mỗi quốc gia phát triển bền vững, mỗi cá nhân, mỗi gia đình và toàn xã hội có chất lượng cuộc sống đảm bảo.*

Câu 10: Để phát triển dân số một cách hợp lí, số trẻ sinh ra cần phải phù hợp với những điều kiện nào sau đây?

- A. Phù hợp với khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc của mỗi gia đình
- B. Hòa hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội
- C. Phù hợp với điều kiện tài nguyên, môi trường của đất nước
- D. Cả A, B và C.

Trả lời: Chọn đáp án D. Cả A, B và C.

=====